

Số: /HD-STC

Nam Định, ngày tháng 7 năm 2024

HƯỚNG DẪN
XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025,
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2025-2027

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính-ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

Thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 49/2024/TT-BTC ngày 16/7/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025-2027.

Sở Tài chính tỉnh Nam Định hướng dẫn một số nội dung cơ bản về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025-2027 như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2024

1. Căn cứ đánh giá nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2024

- Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định năm 2024; Nghị quyết số 129/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh về việc quyết định dự toán

thu, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách tỉnh và kế hoạch đầu tư công tỉnh Nam Định năm 2024.

- Quyết định số 2467/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2024; Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 của UBND tỉnh về việc Quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và các Quyết định của UBND tỉnh về phân bổ kinh phí thực hiện các chương trình, nhiệm vụ bổ sung trong năm.

- Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

- Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2024.

- Các văn bản của cấp có thẩm quyền về chế độ thu thuế, phí, lệ phí; chính sách gia hạn, miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, các giải pháp về thu tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, người dân; các quy định về cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên (nếu có) tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ thu, chi NSNN năm 2024.

- Tình hình thực hiện các nhiệm vụ NSNN 7 tháng đầu năm, giải pháp phấn đấu hoàn thành vượt mức chỉ tiêu thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 trong những tháng còn lại đã được HĐND quyết định.

Ngoài ra, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố khi thực hiện đánh giá kết quả thu, chi NSNN năm 2024 cần bám sát các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm toán, kiểm tra công tác cải cách hành chính, giải quyết khiếu nại tố cáo, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng có liên quan đến hoạt động thu, chi NSNN; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, chống thất thu ngân sách, chống chuyên giá, thu hồi nợ thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế; kết quả thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chính sách cải cách tiền lương, chính sách đối với gia đình chính sách, người có công, hộ nghèo; bảo đảm kinh phí cho quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị và trật tự xã hội.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2024

Đánh giá thực hiện thực hiện đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn, các quy định của pháp luật về thu ngân sách và các văn bản chỉ đạo, điều hành NSNN của cấp có thẩm quyền; đánh giá đầy đủ mọi khoản thu thuế, các khoản thu khác của NSNN; phí, lệ phí không tổng hợp vào cân đối NSNN các khoản thu phí đã chuyển sang giá dịch vụ theo quy định của Luật Phí và lệ phí, các khoản được khấu trừ đối với cơ quan nhà nước hoặc khoản trích lại phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện.

Thực hiện rà soát, đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thực hiện thu NSNN 7 tháng đầu năm và dự kiến khả năng thực hiện 7 tháng cuối năm 2024, trong đó tập trung làm rõ những thuận lợi, khó khăn; kiến nghị giải pháp nhằm

phần đầu hoàn thành cao nhất dự toán thu NSNN được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao và Hội đồng nhân dân các cấp quyết định.

- Đánh giá, phân tích nguyên nhân tác động tăng, giảm thu NSNN năm 2024, chú ý làm rõ kết quả đạt được, các nguyên nhân khách quan, chủ quan đối với từng chỉ tiêu thu có sự tăng/giảm đột biến; cụ thể như sau:

+ Các yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong từng lĩnh vực; sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu trên địa bàn; tác động của biến động giá đầu thô, nguyên nhiên vật liệu đầu vào, biến động trên thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản; đánh giá, phân tích tác động từ việc điều chỉnh lộ trình tăng giá dịch vụ công, các mặt hàng do Nhà nước quản lý giá; các dự án đã hết thời gian ưu đãi thuế và khả năng triển khai các dự án đầu tư mở rộng, đầu tư mới.

+ Tình hình triển khai, kết quả thực hiện các biện pháp về thu theo Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật ảnh hưởng đến số thu trong năm 2024; tác động từ thực hiện các chính sách của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

- Công tác đôn đốc, thu hồi và xử lý nợ thuế trong 7 tháng đầu năm 2024; dự kiến kết quả thu hồi và xử lý nợ thuế trong các tháng cuối năm 2024 (so với chỉ tiêu, kế hoạch được giao - nếu có) và ước tổng số tiền thuế nợ đến ngày 31/12/2024. Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra và quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

- Tình hình hoàn thuế giá trị gia tăng (trừ hoàn thuế GTGT nộp thừa) và dự kiến số kinh phí hoàn thuế thực hiện trong năm 2024 trên cơ sở đúng chính sách chế độ và phù hợp với thực tế phát sinh; báo cáo cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn kinh phí hoàn thuế (nếu có) để chi hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nộp thuế đầy đủ, kịp thời, chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật; công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế, xử lý thu hồi kịp thời tiền hoàn thuế giá trị gia tăng sai quy định; các kiến nghị (nếu có).

- Đánh giá thực hiện hoàn trả các khoản thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt mà người nộp thuế đã nộp thừa theo quy định của pháp luật theo các tiêu chí: số hồ sơ đã xử lý/ra quyết định hoàn trả, số tiền hoàn trả. Đồng thời nêu những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị giải pháp về cơ chế chính sách, công nghệ quản lý, tổ chức phối hợp trong quá trình triển khai, thực hiện (nếu có).

- Tình hình thu ngân sách từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) theo pháp luật về đất đai và Nghị quyết 132/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của

Quốc hội về thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh, kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế (Nghị quyết 132/2020/QH14), Nghị định số 26/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết 132/2020/QH14;

- Tình hình thu ngân sách từ xử lý, sắp xếp nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ (Nghị định số 67/2021/NĐ-CP) sửa đổi, bổ sung Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan; Tình hình thu ngân sách từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, thu NSNN từ giao quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý theo phương thức không tính thành vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan);

- Tình hình thực hiện thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp (Nghị định số 148/2021/NĐ-CP); báo cáo cụ thể số tiền đã nộp ngân sách, số tiền đã phát sinh nhưng đến nay chưa nộp ngân sách (nếu có), kiến nghị giải pháp đối với nguồn thu này (nếu có).

- Kết quả công tác quản lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thu NSNN, bán đấu giá tài sản Nhà nước, đấu giá quyền sử dụng đất và tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, đôn đốc thu hồi nợ thuế, chống thất thu, chống chuyển giá; tồn tại, vướng mắc và giải pháp khắc phục.

- Tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí (đánh giá số thu phí, lệ phí theo quy định; số thu phí nộp NSNN); thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu và các khoản nộp NSNN khác trong năm 2024 theo Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Tình hình thực hiện thu viện trợ 7 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2024.

Riêng đối với ngân sách cấp xã cần phải phân tích đánh giá cụ thể số thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản, đất công xã đang quản lý và thu khác ngân sách, đảm bảo phản ánh trung thực, đúng thực tế nội dung kinh tế phát sinh; những trường hợp dùng tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất nộp vào thu hoa lợi công sản; những hợp đồng thầu khoán nhiều năm thu một lần; các xã có thu phí cầu; tiền tận thu từ diện tích đất đã quy hoạch các dự án và một số nội dung khác phải thuyết minh chi tiết từng xã, dự án (báo cáo thuyết minh số thu tại xã phải có xác nhận của Kho bạc nhà nước, UBND các huyện, thành phố).

3. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển năm 2024

3.1. Đánh giá việc triển khai và tổ chức thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển (ĐTPT) năm 2024 (không bao gồm nhiệm vụ tín dụng, chương trình mục tiêu quốc gia)

a) Đối với dự toán chi ĐTPT hằng năm thuộc phạm vi Luật Đầu tư công

- Chi ĐTPT các chương trình, dự án

+ Tình hình phân bổ và giao, điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN năm 2024 (nếu có), chi tiết theo từng ngành, lĩnh vực chi, theo các chỉ tiêu: thời hạn phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư; kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01/01/2015 (nếu còn) thuộc nguồn NSNN theo quy định tại Khoản 4 Điều 101 Luật Đầu tư công; khó khăn, vướng mắc, kiến nghị điều chỉnh cơ chế, chính sách và trong tổ chức thực hiện.

+ Tình hình thực hiện dự toán chi ĐTPT chương trình, dự án nguồn NSNN năm 2024 (bao gồm cả chuyển nguồn từ các năm trước sang năm 2024 theo quy định; đánh giá, phân tích làm rõ nguyên nhân chậm giải ngân nếu có), chi tiết theo từng lĩnh vực chi, gồm:

Các chương trình, dự án đầu tư công (cụ thể từng dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, dự án đường cao tốc, dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững): Tình hình thực hiện và giải ngân vốn đến hết tháng 6 năm 2024, báo cáo dự kiến khả năng thực hiện đến hết ngày 31/01/2025; chi tiết theo từng nguồn vốn (trong đó: đối với chi ĐTPT của NSDP có phụ biểu chi tiết theo từng nhóm dự án thuộc ngành, lĩnh vực; vốn NSTW hỗ trợ có mục tiêu từ vốn nước ngoài, vốn trong nước); có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm 2023, kế hoạch vốn các năm trước chuyển sang năm 2024, kế hoạch vốn năm 2024 - kể cả vốn bổ sung, điều chỉnh và ước thực hiện năm 2024 (kèm theo thuyết minh nguyên nhân). Đối với chi ĐTPT từ nguồn tiền thu được từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền và chuyển mục đích sử dụng đất: tình hình thu, nộp ngân sách và việc thực hiện dự toán chi ĐTPT năm 2024 từ nguồn thu này.

Đánh giá việc thực hiện năm 2024 đối với các nhiệm vụ chi đầu tư được giao từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi các năm 2021-2023 được quyết định thực hiện trong năm 2024 và nguồn dự phòng ngân sách các cấp năm 2024 (nếu có).

Đánh giá toàn bộ các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn theo đúng quy định, đặc biệt là các dự án đã được phê duyệt quyết toán, dự án đã nộp hồ sơ quyết toán. Đánh giá tình hình thu hồi vốn ứng trước (kế hoạch vốn đã bố trí để thu hồi ứng năm 2024; số vốn ứng còn lại phải thu hồi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025).

Đánh giá tình hình chi ĐTPT theo phương thức đối tác công tư, trong đó có đánh giá thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

- Tác động đến NSNN của việc chuyển đổi các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư sang phương thức đầu tư công và tác động đến NSNN (nếu có), việc bổ sung dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN năm 2024 (nếu có).

- Tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành và số vốn chưa được bố trí để thanh toán so với giá trị quyết toán dự án hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt; số vốn đầu tư công đã thanh toán vượt giá trị quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa thu hồi nộp NSNN; số dự án sử dụng vốn đầu tư công đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm 2024, dự kiến đến hết năm 2024; nguyên nhân.

b) Đánh giá việc triển khai và tổ chức thực hiện dự toán chi ĐTPT theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP (không bao gồm nhiệm vụ tín dụng) theo từng chương trình, dự án, từng lĩnh vực chi.

Tình hình phân bổ, giao, bổ sung dự toán (nếu có), tình hình thực hiện và giải ngân năm 2024 nguồn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (bao gồm cả nguồn hoàn trả cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội từ các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22/6/2023 của Quốc hội).

3.2. Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao và thực hiện dự toán trong 7 tháng đầu năm, dự kiến khả năng thực hiện cả năm 2024 đối với các nhiệm vụ chi ĐTPT của NSNN năm 2024 ngoài phạm vi Luật đầu tư công (chi đầu tư theo Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, các nhiệm vụ theo các quyết định của cấp có thẩm quyền); tồn tại, khó khăn, nguyên nhân và kiến nghị (nếu có).

3.3. Đánh giá tình hình thực hiện 7 tháng đầu năm 2024 và ước thực hiện năm 2024 về tổng nguồn lực huy động và cơ cấu nguồn lực xã hội hóa đầu tư theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân, kiến nghị (nếu có).

4. Đánh giá tình hình thực hiện chi ĐTPT các năm 2021-2024

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện cả năm 2024, thực hiện đánh giá lũy kế tình hình kết quả triển khai các năm 2021-2024 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025; trong đó, cần làm rõ:

4.1. Đối với nhiệm vụ chi ĐTPT hằng năm thuộc phạm vi Luật Đầu tư công (không bao gồm nhiệm vụ thực hiện theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP):

a) Lũy kế dự toán chi đầu tư công được giao và tình hình phân bổ, thực hiện, giải ngân các năm 2021-2024 (bao gồm cả số giải ngân của kế hoạch được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán sang năm sau) so với kế hoạch đầu tư công trung hạn được cấp thẩm quyền giao giai đoạn 2021-2025, chi tiết nguồn

vốn ngoài nước (vốn vay, vốn viện trợ); đối với địa phương chi tiết nguồn cân đối NSDP, nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu theo ngành, lĩnh vực, cụ thể nguồn vốn nước ngoài (bao gồm cả nguồn vốn vay và vốn viện trợ không hoàn lại), vốn trong nước - nếu có; vốn bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, dự án đường cao tốc, dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; vốn được giao từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi, dự phòng ngân sách các cấp các năm 2021-2024 (nếu có). Làm rõ mức vốn đầu tư công bố trí từ NSDP các năm 2021-2024 so với kế hoạch 2021-2025 được cấp có thẩm quyền giao, nhu cầu đề xuất bổ sung kế hoạch trung hạn - nếu có. Số vốn đầu tư đã được bố trí, số vốn đầu tư đã giải ngân, số vốn được phép kéo dài, số vốn cần được bố trí tiếp để hoàn thành kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn.

b) Số dự án có nợ xây dựng cơ bản đã tổng hợp, bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, tình hình bố trí vốn các năm 2021-2024 để xử lý nợ xây dựng cơ bản, dự kiến bố trí số còn lại trong năm 2025.

c) Lũy kế số vốn ứng trước được bố trí để thu hồi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, tình hình bố trí vốn các năm 2021-2024 để thu hồi vốn ứng, dự kiến bố trí số còn lại để thu hồi trong năm 2025. Số vốn ứng trước phát sinh đến nay chưa được bố trí để thu hồi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (chi tiết NSTW, NSDP).

d) Đánh giá tình hình xử lý các khoản tạm ứng theo hợp đồng quá thời hạn thu hồi tính đến hết tháng 7 năm 2024 (đặc biệt là các khoản tạm ứng quá hạn kéo dài nhiều năm) theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 12/7/2024 về việc chấn chỉnh, tăng cường quản lý tạm ứng vốn đầu tư công nguồn NSNN của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

4.2. Đối với chi đầu tư chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

Báo cáo lũy kế dự toán kinh phí được giao và tình hình phân bổ, thực hiện, giải ngân đến hết năm 2024 cho các chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (bao gồm cả số được hoàn trả lại từ các chương trình, dự án nhiệm vụ đầu tư công kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025) so với mục tiêu kế hoạch theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP; kết quả đạt được trong phục hồi phát triển kinh tế - xã hội.

Đánh giá việc thực hiện điều chỉnh nguồn vốn giữa các nhiệm vụ, dự án sử dụng nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn và các nhiệm vụ, dự án sử dụng nguồn vốn từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2022-2024.

4.3. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ chi ĐTPT của NSNN ngoài phạm vi Luật đầu tư công (chi đầu tư theo Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, các nhiệm vụ theo các quyết định của cấp có thẩm quyền):

Đánh giá tình hình triển khai và thực hiện trong các năm 2021-2024, trong đó làm rõ số kinh phí theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền; số kinh phí đã được bố trí; số kinh phí đã thực hiện; số còn phải bố trí trong năm 2025.

4.4. Tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa các năm 2021-2024 so với kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao (chi tiết tổng nguồn lực, cơ cấu nguồn lực xã hội hóa theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa theo ngành, lĩnh vực).

4.5. Báo cáo cụ thể các kết quả đạt được, tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị (nếu có). Trong đó làm rõ các bất cập về thể chế, về tổ chức thực hiện đầu tư công:

- Các giải pháp đã triển khai để thúc đẩy thực hiện, giải ngân và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn theo các Nghị quyết, Chỉ thị, Công điện và văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

- Đánh giá, làm rõ những khó khăn, vướng mắc, những tồn tại, hạn chế ảnh hưởng tới việc phân bổ và giải ngân, tập trung vào những nhóm vấn đề lớn như: cơ chế chính sách, tổ chức thực hiện, những vướng mắc đặc thù (nếu có).

- Những kiến nghị về pháp lý và về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chi ĐTPT.

5. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2024

Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tập trung đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2024 các nội dung sau:

a) Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán chi thường xuyên 7 tháng đầu năm, dự kiến khả năng thực hiện cả năm 2024 chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao. Đối với các nhiệm vụ chi có tính chất đầu tư (mua sắm, cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa) được áp dụng cơ chế sử dụng nguồn chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 165/2016/NĐ-CP quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng và Nghị định số 01/2021/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 165/2016/NĐ-CP, đánh giá việc triển khai thực hiện, trong đó báo cáo tính chất đặc thù, tổng mức kinh phí theo phê duyệt, số đã bố trí đến hết năm 2024, số còn phải bố trí, những thuận lợi, khó khăn và kiến nghị (nếu có).

Tình hình triển khai thực hiện việc cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo quy định tại tiết b điểm 2 Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm chi NSNN; cắt giảm dự toán chưa phân bổ sau ngày 30/6/2024 theo Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, kiến nghị (nếu có).

b) Các cơ quan, đơn vị đánh giá tiến độ, khả năng hoàn thiện các điều kiện, thủ tục và khả năng thực hiện trong năm 2024 (nếu được bổ sung dự toán), đối với các nhiệm vụ dự kiến phát sinh trong năm 2024 (bao gồm cả việc đề xuất bổ sung dự toán để thực hiện các hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông

tin, thực hiện theo Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ) nhưng chưa được giao dự toán đầu năm theo quy định tại Khoản 10 Điều 3 Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội về phân bổ NSTW năm 2024 (nếu có).

c) Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, đề án, dự án lớn sử dụng nguồn chi thường xuyên của NSNN trong 7 tháng đầu năm, dự kiến cả năm 2024; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý về cơ chế, chính sách trong tổ chức thực hiện, cụ thể:

- Rà soát, xác định các nhiệm vụ, chính sách chế độ kết thúc hoặc hết hiệu lực; kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế các chế độ, chính sách không phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn thi hành.

- Tình hình tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy: Kết quả đạt được trong 7 tháng đầu năm, ước cả năm 2024, chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII (Nghị quyết số 18-NQ/TW), Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (Kết luận số 28-KL/TW), Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026 (Kết luận số 40-KL/TW) và các văn bản liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập: Kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong 7 tháng đầu năm, ước cả năm 2024 theo các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII (Nghị quyết số 19-NQ/TW), Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công (Nghị định số 60/2021/NĐ-CP) và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (Thông tư số 56/2022/TT-BTC).

6. Đánh giá tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 và các năm 2021-2024

- Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố đánh giá tình hình thực hiện phân bổ, sử dụng dự toán NSNN năm 2024 (chi tiết phân dự toán các năm trước chuyển sang năm 2024 theo quy định để thực hiện và phân dự toán năm 2024 được giao - nếu có); thuận lợi, khó khăn, kiến nghị (nếu có).

- Cơ quan, đơn vị đánh giá về tình hình giao dự toán, phân bổ, sử dụng NSNN, chi tiết theo các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần, chi ĐTP, chi thường xuyên, vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có) năm 2024, lũy kế năm 2021-2024; tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị, giải pháp khắc phục (nếu có).

7. Đối với các nhiệm vụ sử dụng nguồn vốn nước ngoài

- Đánh giá tình hình phân bổ, giao dự toán năm 2024, việc điều chỉnh, bổ sung năm 2024 (nếu có) chi tiết theo dự án, nhà tài trợ, nguồn vốn: vốn vay (ODA và vay ưu đãi nước ngoài), vốn viện trợ (vốn ODA không hoàn lại, vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức); cơ chế tài chính, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có). Đối với vốn viện trợ không hoàn lại, đánh giá về việc tiếp nhận các khoản viện trợ mới phát sinh, chưa có trong dự toán, tiến độ về thủ tục bổ sung dự toán; đánh giá khó khăn, vướng mắc khi giao dự toán vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm khi không tách rõ cơ cấu giữa vốn vay và vốn viện trợ và đề xuất giải pháp triển khai.

- Đánh giá tình hình thực hiện, kết quả giải ngân vốn nước ngoài, so sánh với dự toán được giao; vướng mắc về thủ tục giải ngân vốn ODA (nếu có); làm rõ nguyên nhân của việc giải ngân chậm, trách nhiệm của cơ quan chủ quản đầu tư, trách nhiệm của Ban Quản lý dự án và các cơ quan, đơn vị có liên quan; đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện chương trình, dự án.

- Trên cơ sở ước thực hiện chi năm 2024, đánh giá việc thực hiện 04 năm 2021-2024 so với mục tiêu, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao/hoặc kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021-2025 theo Hiệp định hoặc thỏa thuận đã ký kết (nếu có); những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

8. Đánh giá tình hình thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2024

Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố đánh giá việc thực hiện cơ chế tạo nguồn chi cải cách tiền lương năm 2024 gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

9. Đối với các huyện, thành phố, ngoài các nội dung nêu trên, cần chú ý tập trung đánh giá thực hiện một số nội dung sau:

- Công tác huy động các nguồn lực tài chính ở địa phương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có).

- Đánh giá tình hình thực hiện các chính sách miễn, giảm thu. Trường hợp có hụt thu; các huyện, thành phố thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh quy định tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2024 trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Báo cáo tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn năm 2024 (báo cáo cụ thể đối tượng, kinh phí thực hiện).

- Báo cáo về tình hình thực hiện cải cách tiền lương năm 2024:

+ Quỹ lương, phụ cấp, trợ cấp ước thực hiện trong năm 2024;

+ Nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương.

+ Việc sử dụng nguồn lực của địa phương để thực hiện điều chỉnh mức lương, gồm: 70% tăng thu NSDP thực hiện năm 2023 so với dự toán năm 2023 UBND tỉnh giao và 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 UBND tỉnh giao (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết, thu cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý và các khoản được loại trừ theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2022); số thu được để lại theo chế độ năm 2024; nguồn cải cách tiền lương năm 2023 còn dư chuyển sang (nếu có), dự kiến nguồn cải cách tiền lương còn dư đến hết năm 2024 (nếu có).

- Báo cáo tình hình sử dụng dự phòng NSDP quy định tại Khoản 2 Điều 10 Luật NSNN, trong đó, số bố trí dự toán đầu năm, số đã sử dụng từ nguồn dự phòng NSDP, quỹ dự trữ tài chính (nếu có) đến ngày 31/7/2024, số dự kiến sử dụng trong những tháng cuối năm 2024.

10. Đánh giá kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách năm 2024 và các năm 2021-2024

Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách đánh giá hiệu quả hoạt động; báo cáo việc rà soát, cơ cấu lại, sáp nhập, dừng hoạt động hoặc giải thể các quỹ hoạt động không hiệu quả, không đúng mục đích, trùng lặp về mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ hoặc không có khả năng độc lập về tài chính, trùng lặp nguồn thu, nhiệm vụ chi với NSNN; tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch thu - chi và các nhiệm vụ được giao 7 tháng và dự kiến cả năm 2024 gắn với hiệu quả hoạt động; lũy kế việc thực hiện đến hết năm 2024 so với mục tiêu kế hoạch giai đoạn 2021-2025 (nếu có); các khó khăn, vướng mắc phát sinh và kiến nghị giải pháp xử lý.

11. Đối với nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được để lại không đưa vào cân đối NSNN

- Cơ quan, đơn vị báo cáo các khoản thu của đơn vị sự nghiệp công lập (ngoài nguồn NSNN), trên cơ sở đó xác định mức độ tự chủ của từng đơn vị; đánh giá các khoản thu phí được để lại năm 2024 và các năm 2021-2024 theo quy định của pháp luật đối với các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ bố trí từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được để lại không đưa vào cân đối NSNN trong năm 2024, chi tiết nhiệm vụ chi ĐTPT theo quy định (chi tiết nguồn phí và nguồn thu sự nghiệp được để lại, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị), nhiệm vụ chi thường xuyên, chi tiết theo từng lĩnh vực chi và lũy kế các năm 2021-2024.

- Dự kiến nguồn thu hợp pháp còn lại cuối năm 2024; nhu cầu chi còn lại (từ năm 2025) đối với các nhiệm vụ đầu tư, thường xuyên từ nguồn này đã được phê duyệt đến nay (nếu có).

II. Xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 căn cứ theo quy định của Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn Luật, văn bản tài chính có liên quan của Trung ương và của Tỉnh, trong đó tập trung một số nội dung cơ bản sau:

1. Mục tiêu, yêu cầu

Dự toán NSNN năm 2025 được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn Luật NSNN và các văn bản pháp luật khác có liên quan phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030, các kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025, các mục tiêu theo các Nghị quyết của Trung ương; phù hợp với nguyên tắc phân bổ đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại các Nghị quyết 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021, Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022, số 123/2023/NQ/HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2025, Công văn số 112/UBND-VP2 ngày 18/06/2024 của UBND tỉnh về việc xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH và Dự toán NSNN năm 2025, các văn bản pháp luật và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền có liên quan; có đầy đủ cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán; phù hợp với đánh giá tình hình thực hiện năm 2024, các năm 2021-2024, khả năng thực hiện năm 2025 và thực hiện cao nhất các mục tiêu kế hoạch 5 năm 2021-2025.

- Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực khi xây dựng dự toán cần tính tới việc rà soát tổng thể các chế độ, chính sách (nhất là các chính sách an sinh xã hội) để trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ, lồng ghép các chính sách chồng chéo, trùng lặp, kém hiệu quả; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện và huy động các nguồn lực tương ứng các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành. Bố trí dự toán để thu hồi các khoản ứng trước chi NSNN đến hạn thu hồi trong năm theo quy định tại Điều 50 Luật NSNN.

- Tập trung chỉ đạo, xử lý, giải quyết dứt điểm ngay từ khâu xây dựng dự toán những tồn tại, sai phạm trong quản lý tài chính, ngân sách đã được cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện, kiến nghị theo đúng quy định của pháp luật.

2. Xây dựng dự toán thu NSNN

Dự toán thu NSNN năm 2025 phải được xây dựng theo đúng các quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý thuế, các Luật về thuế, phí, lệ phí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo thu đúng, thu đủ các nguồn thu của NSNN, phù hợp với tình hình thực hiện các năm trước và thực hiện cao nhất các mục tiêu về thu NSNN 5 năm giai đoạn 2021-2025.

Xây dựng dự toán thu năm 2025 bám sát tình hình kinh tế - xã hội, tài chính trong, ngoài nước và của tỉnh, tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và

dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, về quản lý thu, nhất là các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí và gia hạn thời gian nộp thuế, tiền thuê đất hết hiệu lực, việc thực hiện lộ trình cắt giảm, ưu đãi thuế để thực hiện cam kết của Chính phủ trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế với các nhà đầu tư nước ngoài, việc thực hiện quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

Xây dựng dự toán thu phải gắn với việc quyết liệt thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu; tăng cường công tác quản lý, chống thất thu, nhất là chống thất thu thuế trong kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản; quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới phát sinh trong điều kiện phát triển kinh tế số, thương mại điện tử; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế, chống chuyên giá, trốn thuế, gian lận thuế, quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

Phần đầu dự toán thu nội địa năm 2025 không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế khoảng 5-7% so với ước thực hiện năm 2024 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách); Mức tăng thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2025 tăng khoảng 4-6% so với ước thực hiện năm 2024.

Căn cứ quy định phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nam Định theo Nghị quyết số 101/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ phân chia giữa các cấp ngân sách tỉnh Nam Định giai đoạn 2023-2025 để xác định dự toán thu NSDP được hưởng năm 2024 của ngân sách từng cấp chính quyền địa phương đảm bảo đúng quy định Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn liên quan.

2.1. Xây dựng dự toán thu nội địa:

- Các địa phương xây dựng dự toán thu nội địa năm 2025 ngoài việc đảm bảo các mục tiêu, yêu cầu nêu trên, phải dự kiến đầy đủ các nguồn thu NSNN phát sinh trên địa bàn, nhưng không tổng hợp vào cân đối NSNN các khoản không thuộc cân đối NSNN theo chế độ quy định, trên cơ sở đánh giá thực tế thực hiện các năm trước, những đặc thù của năm 2025 và số kiểm tra dự toán thu năm 2025 được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

- Dự toán thu NSNN năm 2025 phải được xây dựng trên hệ thống thông tin quốc gia về đất đai, đối tượng nộp thuế; đảm bảo tính đúng, đủ từng khoản thu, sắc thuế, lĩnh vực thu đối với từng địa bàn, chi tiết số thu từ các dự án mới đi vào hoạt động có số thu lớn theo các quy định hiện hành về thuế, phí, lệ phí và thu khác NSNN; chi tiết theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định; các quy định điều chỉnh chính sách theo lộ trình tiếp tục ảnh hưởng tới số thu NSNN năm 2025 và các quy định dự kiến sẽ được sửa đổi, bổ sung, áp dụng trong năm 2025.

Riêng công tác lập dự toán thu đối với các khoản liên quan đến nhà, đất thực hiện theo đúng pháp luật về nhà, đất, bám sát vào quy hoạch, kế hoạch giao quyền sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất, quyền thuê đất tại địa phương,

phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; UBND các huyện, thành phố phối hợp chặt chẽ với cơ quan thuế để xây dựng dự toán thu tiền sử dụng đất sát với khả năng phát sinh nguồn thu trên địa bàn.

- Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, tài sản công quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP; thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; thu NSNN từ giao quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý theo phương thức không tính thành vốn nhà nước tại doanh nghiệp và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan) phải được lập dự toán đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật. Thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.

- Dự toán các khoản thu phí, lệ phí (thuộc danh mục quy định của Luật Phí, lệ phí) chi tiết tổng số thu, số nộp ngân sách, số được khấu trừ và trích lại theo quy định của pháp luật, chi tiết từng loại phí, lệ phí và lập dự toán chi ngân sách của cơ quan, đơn vị được để lại theo lĩnh vực theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Thông tư số 342/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Mẫu biểu số 07 kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC.

Việc xây dựng dự toán chi từ nguồn thu phí được để lại theo đúng các nội dung chi phục vụ công tác thu quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28/11/2023 của Chính phủ, không vượt quá tỷ lệ được để lại theo quy định tại các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Cơ quan, đơn vị không lập dự toán cho các nhiệm vụ chi theo cơ chế đặc thù đã bị bãi bỏ theo Nghị quyết số 104/2023/QH15 và Nghị quyết số 142/2024/QH15.

- Dự toán các khoản thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu, thu tiền đấu giá biển số xe và các khoản nộp NSNN khác trong năm 2025 theo quy định.

- Đối với khoản thu không tổng hợp vào dự toán thu NSNN của các địa phương (thu phí, thu dịch vụ sự nghiệp công, học phí, giá dịch vụ y tế, các khoản thu hợp pháp khác được để lại cho cơ quan, đơn vị sử dụng theo quy định), các cơ quan, đơn vị phải lập dự toán riêng, thuyết minh cơ sở tính toán và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

- Dự toán các khoản thu NSNN khác theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

2.2. Xây dựng dự toán thu từ các hoạt động xuất nhập khẩu:

- Căn cứ vào dự báo tăng trưởng kim ngạch của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chịu thuế trong bối cảnh hội nhập, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, chuyển dịch cơ cấu mặt hàng, đặc biệt là các mặt hàng truyền thống có nguồn thu chủ lực và các mặt hàng mới phát sinh.

- Xét đến các yếu tố tác động như: Dự kiến biến động giá trong nước và giá thị trường quốc tế của những mặt hàng có số thu NSNN lớn; biến động giá dầu thô trên thế giới; tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đồng tiền của các đối tác thương mại chiến lược; tác động giảm thu từ việc thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết và thực thi cam kết trong năm 2025; mức độ thuận lợi hóa thương mại và ảnh hưởng của các hàng rào kỹ thuật; quy mô, tiến độ thực hiện của các dự án đầu tư trọng điểm có nhập khẩu nguyên vật liệu, trang thiết bị; kế hoạch sản xuất của các nhà máy lọc dầu trong nước.

2.3. Xây dựng dự toán hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng:

Căn cứ vào tình hình thực tế và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn; kế hoạch sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xuất khẩu, tổng số dự án và vốn đầu tư được cấp phép mới, tiến độ đầu tư của các dự án đầu tư đang triển khai và dự án đầu tư mới, các dự án đầu tư kết thúc giai đoạn đầu tư và chuyển sang giai đoạn hoạt động kinh doanh tại địa bàn đề tính đúng, tính đủ, kịp thời số hoàn thuế giá trị gia tăng dự kiến phát sinh trong năm 2025 theo các chính sách, chế độ hiện hành và chế độ chính sách mới có hiệu lực thi hành. Xây dựng dự toán số hoàn thuế giá trị gia tăng gắn liền với yêu cầu tăng cường công tác quản lý hoàn thuế, giám sát, kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế giá trị gia tăng để đảm bảo đúng phát sinh thực tế, chính sách chế độ.

2.4. Dự toán thu NSNN (bao gồm cả thu nội địa và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu) cần dự kiến phần hoàn trả tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa làm giảm thu NSNN theo quy định của pháp luật.

3. Xây dựng dự toán chi NSNN

Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2024 theo đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và quy định của pháp luật khác có liên quan; đúng Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ĐTPT, chi thường xuyên NSNN; đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách, chủ trương sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trong hệ thống chính trị, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động khu vực sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị. Đảm bảo nguồn lực thực hiện cải cách tiền lương, chính sách bảo hiểm xã hội gắn với đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, lộ trình tinh giản biên chế theo các quy định.

Quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hành tiết kiệm

chống lãng phí theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán NSNN.

Sát khả năng thực hiện và nguồn đảm bảo, hạn chế tối đa việc hủy dự toán và chuyển nguồn sang năm sau. Trên cơ sở đánh giá thực hiện năm 2024, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố rà soát các nhiệm vụ trùng lặp, nhiệm vụ kết thúc năm 2024; nhiệm vụ dở dang tiếp tục thực hiện năm 2025; sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ phát sinh mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và triển khai thực hiện ngay khi được giao kinh phí, dự toán NSNN thực hiện phù hợp với khả năng huy động, cân đối các nguồn lực (bao gồm cả nguồn hợp pháp khác theo quy định).

Về xây dựng dự toán chi cân đối NSDP, Ủy ban nhân dân các cấp chủ động: Xây dựng dự toán chi NSDP trên cơ sở nguồn thu NSDP được hưởng theo phân cấp, số bổ sung cân đối từ Ngân sách tỉnh cho Ngân sách huyện, thành phố xác định bằng số được giao dự toán năm 2024, số bổ sung từ Ngân sách tỉnh cho Ngân sách huyện, thành phố để thực hiện mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng (nếu có) tính cho cả 12 tháng năm 2025 sau khi đã sử dụng nguồn cải cách tiền lương theo quy định của địa phương. Căn cứ mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cả giai đoạn 2021-2025, trong đó bám sát vào mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của địa phương; ước thực hiện các nhiệm vụ thu - chi ngân sách của địa phương năm 2024 để xây dựng dự toán chi NSDP chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành.

3.1. Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển:

Việc xây dựng dự toán chi ĐTPT từ NSNN năm 2024 phải quán triệt các nguyên tắc sau:

- Dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN bao gồm cả nguồn vốn vay (ODA và ưu đãi nước ngoài), vốn viện trợ (vốn ODA không hoàn lại, vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức), nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu từ bán vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp, nguồn thu tiền sử dụng đất được xây dựng theo các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của NSNN trong năm; phù hợp với kế hoạch đầu tư công 5 năm giai đoạn 2021-2025 và các Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung của Quốc hội, các nhiệm vụ chi ĐTPT theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Việc xây dựng dự toán cho đầu tư công năm 2025 phải đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 51 Luật Đầu tư công. Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn, thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14) và

Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025. Mức bố trí vốn cho từng nhiệm vụ phải phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021, Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022, Nghị quyết số 123/2023/NQ/HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh về nguyên tắc, định mức phân bổ vốn đầu tư công và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án, bảo đảm phân bổ, giao chi tiết cho dự án trước ngày 31/12/2024, khắc phục tình trạng phân bổ vốn manh mún, dàn trải, kém hiệu quả, đảm bảo tiến độ phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án theo đúng quy định.

Bố trí vốn cho các dự án được bố trí từ nguồn tăng thu hằng năm còn phải bố trí tiếp; bố trí thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước còn lại phải thu hồi trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của địa phương; Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án trọng điểm có tính liên vùng, có ý nghĩa quan trọng tới phát triển kinh tế - xã hội, xúc tiến và thu hút đầu tư; vốn cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (bao gồm cả vốn đối ứng); vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; vốn tham gia vào các dự án PPP; nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; nhiệm vụ cấp bù lãi suất và phí quản lý theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và quy định của pháp luật, cấp vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Không bố trí vốn dàn trải, manh mún, kém hiệu quả.

- Đối với vốn nước ngoài, việc bố trí kế hoạch phải chi tiết theo nguồn vốn vay, vốn viện trợ theo ngành, lĩnh vực; phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025, nội dung của Hiệp định, cam kết với nhà tài trợ, phù hợp với cơ chế tài chính của dự án và tiến độ thực hiện chương trình/dự án, ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án kết thúc Hiệp định, thỏa thuận vay, viện trợ nước ngoài trong năm 2025 và không có khả năng gia hạn.

- Căn cứ số đã thu, đã chi ĐTPT từ nguồn quản lý, sử dụng, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước nhưng chưa được quyết toán; số đã nộp NSNN các năm trước chưa sử dụng và dự toán thu NSNN từ nguồn quản lý, sử dụng, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước năm 2025, các cơ quan, đơn vị lập dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu này theo quy định, trong đó, làm rõ các dự án đã hoàn thành chưa được quyết toán do chưa được bố trí dự toán ngân sách; các dự án được phê duyệt sử dụng từ nguồn tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã nộp ngân sách nhưng chưa sử dụng và nguồn thu này phát sinh trong năm 2025; tổng hợp trong dự toán chi ĐTPT của các cơ quan, đơn vị gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp dự toán NSNN trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- Đối với dự toán cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, vốn hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và văn bản hướng dẫn. Ủy thác vốn NSDP qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo, các

đối tượng chính sách khác và hỗ trợ một số hoạt động theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội.

- Đối với dự toán chi ĐTPT ngoài phạm vi Luật Đầu tư công (kèm thuyết minh chi tiết) thực hiện các nội dung, nhiệm vụ theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và Nghị định số 148/2021/NĐ-CP của Chính phủ, các nhiệm vụ chi NSNN thực hiện các cam kết của Chính phủ đối với các nhà đầu tư nước ngoài theo phê duyệt của cấp thẩm quyền.

- Đối với dự toán chi đối với nguồn vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư ngoài cân đối NSNN (trừ các các nhiệm vụ thực hiện theo cơ chế đặc thù đã bị bãi bỏ theo Nghị quyết 104/2023/QH15 và Nghị quyết số 142/2024/QH15), thực hiện theo quy định hiện hành (chi tiết nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị); gửi cơ quan quản lý cấp trên, tổng hợp báo cáo cơ quan đầu tư, tài chính cùng cấp.

- Bố trí dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu tiền sử dụng đất, trong đó ưu tiên để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới; dành tối thiểu 10% tổng số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 và Quyết định số 191/QĐ-TTg ngày 08/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: Tiếp tục sử dụng tiếp tục sử dụng toàn bộ nguồn thu từ xổ số kiến thiết cho ĐTPT, trong đó ưu tiên để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề (bao gồm cả đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông) và lĩnh vực y tế; phần còn lại bố trí thực hiện các nhiệm vụ ĐTPT quan trọng, cấp bách thuộc đối tượng đầu tư của NSDP, Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới.

3.2. Về xây dựng dự toán chi thường xuyên:

Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng dự toán chi thường xuyên chi tiết theo từng lĩnh vực chi, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội.

- Đối với kinh phí trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng dự toán trên cơ sở quy định tại các Nghị định số 77/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024, Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021, Nghị định số 55/2023/NĐ-CP ngày 21/7/2023 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và các văn bản quy định về điều chỉnh năm 2024 (nếu có).

Đối với kinh phí chi trả đối tượng hưu do NSNN bảo đảm, dự toán trên cơ sở Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng, chi tiết sự nghiệp bảo đảm xã hội, sự nghiệp y tế.

- Đối với các nội dung sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì thường xuyên cơ sở vật chất, thực hiện theo Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; đối với các hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin, thực hiện theo Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

- Dự toán chi thường xuyên năm 2025 nguồn NSNN của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với việc triển khai các Kết luận 28-KL/TW về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Kết luận số 40-KL/TW về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026 của Bộ Chính trị; trong đó, xác định cụ thể các tác động tăng hoặc giảm quỹ lương và chi hoạt động bộ máy năm 2025 so với năm 2024; đảm bảo triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là chi mua sắm tài sản công, đi công tác trong và ngoài nước, sử dụng xe ô tô công, tổ chức hội nghị, hội thảo, nghiên cứu, khảo sát, tiết kiệm điện, xăng dầu.

- Dự toán chi hoạt động năm 2025 nguồn NSNN của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Kết luận số 62-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 02/10/2023 về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15, Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 16/7/2018 và Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 15/12/2020 của UBND tỉnh, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 56/2022/TT-BTC. Trong đó:

+ Không xây dựng dự toán chi thường xuyên NSNN hỗ trợ cho các dịch vụ sự nghiệp công đã hoàn thành lộ trình giá, phí từ năm 2024 trở về trước hoặc dự kiến hoàn thành trong năm 2025.

+ Thực hiện giảm dự toán đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15, Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 16/7/2018 và Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 15/12/2020 của UBND tỉnh.

+ Các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (trừ đơn vị sự nghiệp công cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, không có nguồn thu sự nghiệp) thuộc các sở, ban, ngành xây dựng dự toán chi NSNN năm 2025 giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2024 theo quy định tại khoản 4 điều 35 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (Không bao gồm quỹ lương và không bao gồm kinh phí cắt giảm, tiết kiệm 5% theo Chỉ thị 01/CT-TTg ngày 04/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ).

+ Mức NSNN hỗ trợ hoạt động chi thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3, nhóm 4 năm 2025 bao gồm cả kinh phí NSNN hỗ trợ thực hiện chính sách, chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội, các chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện từ ngày 01/7/2024 sau khi đã sử dụng nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

- Đối với dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ, các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác: các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc lập, tổng hợp dự toán theo quy định của pháp luật về NSNN và pháp luật khác có liên quan.

- Đối với các nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện lập dự toán theo Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn NSNN, Nghị định hướng dẫn sử dụng chi thường xuyên NSNN để mua sắm tài sản, trang thiết bị, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng (trong trường hợp được ban hành) và các pháp luật có liên quan kèm hồ sơ thuyết minh chi tiết căn cứ pháp lý, nhiệm vụ được giao, được cấp thẩm quyền phê duyệt, các chế độ, chính sách, định mức được cấp thẩm quyền quy định, hồ sơ, thủ tục khác theo quy định, gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền.

+ Đối với chi lĩnh vực an ninh, quốc phòng, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố lập dự toán các nhiệm vụ chi mua sắm tài sản, trang thiết bị, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây mới hạng mục công trình, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin được sử dụng nguồn chi thường xuyên NSNN theo Nghị định số 165/2016/NĐ-CP và Nghị định 01/2021/NĐ-CP sửa Nghị định số 165/2016/NĐ-CP kèm thuyết minh chi tiết theo quy định (trong đó nêu rõ tính chất đặc thù; căn cứ pháp lý, thực tiễn; tổng nhu cầu kinh phí theo phê duyệt; nguồn thực hiện theo phê duyệt; thời gian thực hiện; số đã bố trí đến hết năm 2024; số đề xuất năm 2025).

*** Một số lưu ý thêm khi xây dựng dự toán NSNN năm 2024:**

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: Đề nghị làm rõ:

+ Số biên chế năm 2025 (nếu có), trường hợp năm 2025 chưa được giao biên chế thì tiếp tục thực hiện giảm biên chế đối với trường hợp đến hết năm 2024 chưa thực hiện được mục tiêu tại Kết luận số 28-KL/TW của Bộ Chính trị và các quy định khác của cơ quan có thẩm quyền hoặc theo biên chế năm 2024 đối với trường hợp đã đạt mục tiêu tại Kết luận số 28-KL/TW của Bộ Chính trị và các quy định khác của cơ quan có thẩm quyền, trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm 01/7/2024, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu biên chế năm 2025 nêu trên.

+ Xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo chỉ tiêu biên chế được giao năm 2025 xác định như trên và mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo: bao gồm quỹ lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm 01/7/2024, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển (nhưng vẫn trong tổng mức biên chế được giao), tính trên mức lương cơ sở năm 2024 và hệ số lương lương bậc 1 của công chức loại A1, các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định. Trường hợp các cơ quan, đơn vị có kế hoạch tuyển dụng theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ hoặc tuyển dụng cán bộ, công chức, chuyên gia có kinh nghiệm theo Đề án hoặc kế hoạch được phê duyệt thì xác định quỹ lương tăng thêm của các đối tượng theo quy định.

+ Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù năm 2025 (cơ sở pháp lý, nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nội dung chi, chính sách, chế độ, định mức chi theo quy định) theo Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 và các quy định khác có liên quan trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

+ Các Sở, ban, ngành, địa phương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật theo quy định (trong đó xác định rõ kinh phí bảo đảm xây dựng, hoàn thiện pháp luật là kinh phí đầu tư cơ bản cho hạ tầng pháp lý theo Quyết định số 04/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 83-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020) và ưu tiên bố trí trong phạm vi dự toán được giao để đảm bảo thực hiện công tác này.

+ Các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, đề xuất dự toán kinh phí tổ chức Đại hội Đảng các cấp, kèm thuyết minh chi tiết.

- Cơ quan, đơn vị xây dựng (kèm thuyết minh chi tiết), tổng hợp vào dự toán ngân sách các nhiệm vụ chi thường xuyên liên quan tới xử lý tài sản công, sắp xếp, xử lý nhà đất, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (nếu có). Đối với kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP và Thông tư số 57/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 148/2021/NĐ-CP, tổng hợp vào dự toán chi các hoạt động kinh tế của NSNN.

- Đối với chi thường xuyên các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn vay (ODA và vay ưu đãi nước ngoài), vốn viện trợ (vốn ODA không hoàn lại, vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức):

+ Căn cứ các Hiệp định, thỏa thuận đã và sẽ ký với nhà tài trợ (đối với các Hiệp định sẽ ký, chỉ bao gồm nguồn viện trợ), tiến độ thực hiện văn kiện dự án hoặc khoản viện trợ, cơ chế tài chính (nếu có) được cấp thẩm quyền phê duyệt, các cơ quan, đơn vị thực hiện lập dự toán từng chương trình, dự án, Hiệp định, vốn đối ứng (nếu có), chi tiết theo từng nguồn vốn vay, vốn viện trợ nước ngoài, theo lĩnh vực chi, cơ chế giải ngân (thực hiện ghi thu ghi chi hoặc giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước); đối với các địa phương, phân định cụ thể các nguồn vốn này thuộc NSDP và nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu cho địa phương.

+ Đối với các chương trình, dự án hỗn hợp cả vốn cấp phát từ NSNN và vốn cho vay lại (đối với các nhiệm vụ chuyên tiếp), cơ quan được giao quản lý chương trình, dự án hướng dẫn lập, tổng hợp dự toán cho từng phần vốn.

3.3. Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

Việc hỗ trợ kinh phí đối với các hội thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, Nghị định số 33/2012/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và các văn bản bổ sung, sửa đổi, thay thế Nghị định.

3.4. Dự toán nguồn, nhu cầu hỗ trợ kinh phí thực hiện cải cách tiền lương và kinh phí điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng (phần NSNN đảm bảo), trợ cấp ưu đãi người có công năm 2025:

Năm 2025, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để cải cách tiền lương theo quy định. Trong đó: Nguồn tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết, thu cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý; các khoản được loại trừ theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2022), bao gồm 70% tăng thu thực hiện năm 2024 so dự toán năm 2024, 50% tăng thu dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2023 được HĐND tỉnh giao; 50% phần kinh phí dành ra từ giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính và hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập theo phương án đề xuất của địa phương quy định tại Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ; nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2024 còn dư; số thu được để lại theo chế độ năm 2025.

- Các Sở, ban, ngành, địa phương lập dự toán chi tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại Nghị quyết 27-NQ/TW, các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Thông tư số 56/2022/TT-BTC và các văn bản pháp luật liên quan.

- Dự toán nhu cầu hỗ trợ kinh phí thực hiện năm 2025 trên cơ sở đảm bảo

các chính sách, chế độ tiền lương và kinh phí điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng (phần NSNN đảm bảo), trợ cấp ưu đãi người có công, trợ giúp xã hội theo các Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, số 75/2024/NĐ-CP, số 76/2024/NĐ-CP, số 77/2024/NĐ-CP năm 2024 của Chính phủ sau khi đã sử dụng các nguồn thực hiện của cơ quan, đơn vị theo quy định.

3.5. Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế:

Việc lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2025 theo quy định tại Kết luận số 28-KL/TW, Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị, các quy định của Chính phủ và văn bản hướng dẫn thực hiện.

3.6. Đối với dự toán chi sự nghiệp từ nguồn thu được để lại theo chế độ:

Các cơ quan, đơn vị thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại báo cáo cấp có thẩm quyền theo biểu mẫu quy định tại Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, nhưng không tổng hợp vào dự toán chi NSNN của các cơ quan đơn vị.

3.7. Dự toán dự phòng NSNN:

Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, thành phố, ngân sách xã, phường, thị trấn bố trí dự phòng ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Xây dựng kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách dự kiến kế hoạch cơ cấu lại, sáp nhập, dừng, giải thể các quỹ hoạt động không hiệu quả, chưa theo đúng quy định của pháp luật trong năm 2025; lập kế hoạch thu - chi tài chính năm 2025 đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách còn tiếp tục hoạt động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật NSNN và quy định của pháp luật có liên quan, gửi kèm báo cáo dự toán NSNN năm 2025 của cơ quan, đơn vị mình tới cơ quan tài chính cùng cấp (trong đó, thuyết minh chi tiết về số dư đầu năm; số phát sinh thu từ NSNN cấp, từ huy động, tài trợ,... trong năm; số chi cho các nhiệm vụ trong năm; tình hình biến động về vốn điều lệ, nguồn vốn hoạt động của các Quỹ này).

III. Lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025-2027

1. Căn cứ, yêu cầu lập kế hoạch

Thực hiện quy định tại Luật NSNN, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm và Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 7/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm (Thông tư số 69/2017/TT-BTC), các Luật về thuế, quản lý thuế, Luật phí, lệ phí, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, Luật quản lý tài sản công, các văn bản pháp luật có liên quan; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

10 năm 2021-2030, các kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025; các Nghị quyết Trung ương Khóa XII về tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập; các Nghị quyết và các Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, số 75/2024/NĐ-CP, số 76/2024/NĐ-CP, số 77/2024/NĐ-CP năm 2024 của Chính phủ; nguyên tắc, tiêu chí, định mức chi ĐTPT giai đoạn 2021-2025 và nguyên tắc, tiêu chí, định mức chi thường xuyên năm 2022; căn cứ kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026 đã được rà soát, cập nhật vào thời điểm 31/3/2024; căn cứ các thỏa thuận, hiệp định vay nợ, viện trợ nguồn vốn nước ngoài đã và sẽ được ký kết, triển khai trong các năm 2025-2027; quy định về thời kỳ ổn định NSNN; căn cứ các trần chi tiêu giai đoạn 2025-2027 do cơ quan tài chính, kế hoạch và đầu tư thông báo và dự toán ngân sách năm 2025 lập theo quy định tại Phần III Hướng dẫn này, các chính sách, chế độ, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý giai đoạn 2021-2025 sẽ kết thúc từ năm 2026, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh xây dựng kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2025-2027 theo quy định, trong đó lưu ý:

- Giai đoạn 2025-2027 có 01 năm thực hiện thuộc kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 và 02 năm (2026-2027) thuộc kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030. Theo đó, việc xây dựng dự toán năm 2025 thực hiện theo quy định tại Hướng dẫn này và mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra trong kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025; đối với 02 năm 2026-2027 được giả định tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách của thời kỳ ổn định 2022-2025 và các cơ chế, chính sách mới nếu đã xác định được dự kiến phát sinh.

- Trường hợp nhu cầu chi của các đơn vị trong các năm 2025-2027 tăng hoặc giảm lớn so với dự toán năm 2025 và ước thực hiện chi năm 2024 (bao gồm cả dự toán bổ sung trong năm); các đơn vị cấp tỉnh có thuyết minh, giải trình, có các giải pháp huy động thêm các nguồn lực tài chính ngoài ngân sách, đảm bảo các nhu cầu chi phải cân đối được nguồn lực thực hiện.

- Dự toán chi năm 2025-2027 xây dựng căn cứ các quy định về chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, các chính sách an sinh xã hội theo quy định tại các nghị định số 73/2024/NĐ-CP, số 75/2024/NĐ-CP, số 76/2024/NĐ-CP và số 77/2024/NĐ-CP của Chính phủ và lộ trình các năm 2025-2027 đã được phê duyệt - nếu có.

2. Lập kế hoạch thu NSNN 03 năm 2025-2027

- Kế hoạch thu NSNN 03 năm 2025-2027 được lập theo yêu cầu quy định tại mục 1 nêu trên, đồng thời:

- + Căn cứ khả năng phát triển kinh tế cả nước, từng ngành nghề, lĩnh vực và địa phương trong các năm 2025-2027 phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, các kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025; dự toán thu năm 2025; các yếu tố thay đổi về năng lực đầu tư, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ, phát triển sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu của từng

năm; các yếu tố tác động của quá trình hội nhập quốc tế và thay đổi chính sách của các nước trên thế giới như thuế tối thiểu toàn cầu.

+ Các yếu tố dự kiến làm tăng, giảm, dịch chuyển nguồn thu do điều chỉnh chính sách thu, bổ sung mở rộng cơ sở tính thuế, tăng cường quản lý thu theo Nghị quyết số 07-NQ/TW; Nghị quyết số 23/2021/QH15 về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 - 2025; triển khai các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14; thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo cam kết hội nhập; thuế tối thiểu toàn cầu; một số chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp; động viên từ khu vực kinh tế phi chính thức.

Tác động thu ngân sách từ việc điều chỉnh giá, phí các dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình kết cấu đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công quy định của pháp luật.

Giai đoạn 2026-2027, phấn đấu tốc độ tăng thu nội địa không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế khoảng 5-7%/năm; tốc độ tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu khoảng 4-6%/năm. Mức tăng thu cụ thể của từng địa phương có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức bình quân chung, tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương.

- Dự toán các khoản thu phí, lệ phí các năm 2025-2027 tích cực, chi tiết theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định (số thu, số nộp NSNN) và chỉ tổng hợp vào dự toán thu NSNN phần phí, lệ phí nộp NSNN.

- Đối với các khoản thu được để lại, học phí, giá dịch vụ y tế, thu dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục phí và lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ: thực hiện lập kế hoạch thu, chi riêng theo quy định gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ khoản thu này để cải cách tiền lương theo quy định; gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

3. Lập kế hoạch chi NSNN 03 năm 2025-2027

- Kế hoạch chi NSNN 03 năm 2025-2027 của các đơn vị ở cấp tỉnh được lập theo hướng dẫn tại mục 1 nêu trên; dự toán năm 2025 được lập theo hướng dẫn tại Phần II Hướng dẫn này; trong đó thuyết minh cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án, chính sách, chế độ đã hết thời gian thực hiện/mới được cấp thẩm quyền phê duyệt, đặc biệt lưu ý việc triển khai các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kết luận số 62-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 02/10/2023, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kết luận số 28-KL/TW, Kết luận số 40-KL/TW và tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Thông tư số 56/2022/TT-BTC, các chính sách tiền lương, lương hưu, trợ cấp người có công, các chính sách an sinh xã hội được ban hành năm 2024.

- Trong quá trình xây dựng dự toán chi NSNN năm 2025, các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh đồng thời xác định chi tiết chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới của cơ quan, đơn vị mình năm dự toán 2025 theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính để làm căn cứ xác định chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và tổng hợp nhu cầu chi ĐTP, nhu cầu chi bảo dưỡng, vận hành trong kế hoạch chi năm 2025-2027.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Trên cơ sở tình hình thực hiện thu, chi ngân sách năm 2024 kế hoạch nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức công tác hướng dẫn, xây dựng, tổng hợp và báo cáo dự toán ngân sách năm 2025 theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nội dung của Hướng dẫn này; báo cáo đầy đủ nội dung và các biểu mẫu có liên quan tại Hướng dẫn này gửi Sở Tài chính.

2. Các sở, ban, ngành quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình xúc tiến thương mại, đầu tư, du lịch,...; dự kiến nhiệm vụ, mức kinh phí thực hiện chương trình năm 2025 gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán năm 2025 về chi đầu tư phát triển, phương án phân bổ chi đầu tư phát triển để tổng hợp trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch & Đầu tư.

4. Cục thuế tỉnh Nam Định hướng dẫn chi tiết cho các đơn vị trực thuộc, các cấp, các ngành để thực hiện xây dựng, tổng hợp dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2025 toàn tỉnh theo mẫu biểu quy định và các biểu gửi kèm Hướng dẫn này báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi báo cáo Tổng cục thuế, Bộ Tài chính, đồng thời gửi Sở Tài chính để tổng hợp chung dự toán thu, chi ngân sách năm 2025.

5. Về biểu mẫu, thời gian lập và báo cáo dự toán ngân sách năm 2025:

- Đối với các sở, ban, ngành tổng hợp và báo cáo Sở Tài chính dự toán NSNN theo các biểu mẫu của Phụ lục số 2 quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính, Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính, Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định, biểu mẫu quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 30/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP và các biểu mẫu theo quy định.

Ngoài ra, các sở, ngành khi báo cáo Bộ quản lý ngành về kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán ngân sách năm 2025 của sở, ngành mình đồng thời gửi Sở Tài chính để thống nhất khi báo cáo Chính phủ và Bộ Tài chính.

- Đối với các huyện, thành phố lập báo cáo gửi Sở Tài chính theo các mẫu biểu quy định.

Lưu ý: Các Sở, ban, ngành, các huyện, thành phố tải mẫu biểu báo cáo tại địa chỉ Website Sở Tài chính: <http://sotaichinh.namdinh.gov.vn>

- Về thời gian gửi báo cáo: Các cấp, các ngành gửi dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 về Sở Tài chính **trước ngày 15/8/2024**.

Sở Tài chính sẽ phối hợp với Cục Thuế tỉnh bố trí thảo luận dự toán ngân sách năm 2025 với các Sở, ngành và các huyện, thành phố (khi các đơn vị có đề nghị).

Trong quá trình xây dựng dự toán ngân sách năm 2025, nếu có vướng mắc đề nghị các cấp, các ngành phản ánh kịp thời về Sở Tài chính, Sở Kế hoạch - Đầu tư, Cục thuế tỉnh và các ngành có liên quan nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:

- | | | |
|--|--|------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> - Thường trực Tỉnh uỷ; - Thường trực HĐND tỉnh; - Thường trực UBND tỉnh; - Cục Thuế tỉnh; - Chi Cục Hải quan tỉnh; - Các Sở, ban, ngành, đoàn thể; - UBND các huyện, TP; - Phòng TC-KH các huyện, TP; - Website Sở Tài chính; - Lưu: VT, TC-HCSN, QLNS. | | Đề
báo
cáo |
|--|--|------------------|

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Thanh Bình